| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN HẢI CHÂU- TP. ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 125/2023/DS-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Ảnh

Ông Nguyễn Xuân Tùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-DS ngày 07/3/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐST-DS ngày 24/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-DS ngày 08/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn N**, sinh năm: 1992; Địa chỉ thường trú: Thôn T, Xã P, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; Địa chỉ liên lạc: ĐT609B xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền: bà **Huỳnh Thị Như K**, sinh năm 1997; Địa chỉ: xã Đ1, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/3/2022); có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Công ty TNHH N1** (Công ty Cổ phần N1). Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Phòng 12 Tầng lửng, số 911-917 đường N2, phường 14, quận 5, TP Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần N - Chi nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 64 đường 2 phường B, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng; vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nội dung vụ án như sau:

Ngày 12/02/2020, ông Trần Văn N có nộp tiền giữ chỗ để thuê gian hàng Phố đi bộ - Chợ đêm B1 cho Công ty CP N1 – Chi nhánh Đà Nẵng bằng hình

thức chuyển khoản qua số tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Sài Gòn số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty CP N1 – Chi nhánh Đà Nẵng đã không triển khai dự án Phố đi bộ Chợ đêm B1. Ngày 14/4/2020, Công ty đã cam kết hoàn trả tiền giữ chỗ vào các tháng 10, 11, 12/2020 cho những trường hợp muốn rút cọc. Ngày 31/12/2020, Công ty CP N1 thông báo về việc bắt đầu chi trả hoàn tiền cọc. Nhưng đến nay Công ty vẫn không thực hiện, mặc dù ông N đã nhiều lần yêu cầu. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu Công ty CP N1 nay là Công ty TNHH N1 hoàn trả lại cho ông số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 02/9/2023 là 10% x 50.000.000 đồng x 02 năm 08 tháng = 13.333.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 63.333.000 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng, thì thấy: Công ty CP N1 nay là Công ty TNHH N1 đã nhận phí giữ chỗ, đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng/gian hàng từ ông Trần Văn N. Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản qua số tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Sài Gòn vào ngày 19/02/2020. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên Công ty đã không triển khai thực hiện dự án được. Ngày 14/4/2020, Công ty đã ra Thông báo số 05/TB-NSB về việc tạm dời thời gian triển khai dự án sang năm 2021, đối với trường hợp đã đăng ký và rút cọc, không tham gia dự án Công ty sắp xếp hoàn lại tiền cọc thành 03 đợt tương ứng với khoảng thời gian từ tháng 10, 11, 12/2020. Ngày 31/12/2020, Công ty CP N1 thông báo về việc bắt đầu chi trả hoàn tiền cọc. Tuy nhiên đến nay, Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm cam kết và quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, ông Trần Văn N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH N1 hoàn trả số tiền gốc 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.1] Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 02/9/2023 là 13.333.000 đồng, HĐXX thấy ngày 31/12/2020, Công ty CP N1 thông báo về việc bắt đầu chi trả hoàn tiền cọc nhưng không trả do đó cần chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn. Đối với mức lãi suất 10%/ năm phù hợp với Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 13.333.000 đồng.

Như vậy, tiền cọc và tiền lãi chậm trả Công ty phải trả cho ông N là 63.333.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với tiền lãi kể từ ngày 02/9/2023 đến ngày xét xử 25/9/2023 ông N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm, nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty cổ phần N1 phải chịu trên số tiền phải trả: 63.333.000 đồng x 5% = 3.166.650 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với Công ty TNHH N1.

Xử: Buộc Công ty TNHH N1 phải trả cho ông Trần Văn N số tiền là 63.333.000 đồng,trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 13.333.000 đồng (lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 02/9/2023).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH N1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.166.650 đồng. Hoàn trả cho ông Trần Văn N 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0007206 ngày 06/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Ngọc Hà**